

BỐN KHỦNG HOẢNG CỦA HỆ THỐNG TƯ BẢN CHỦ NGHĨA THẾ GIỚI ĐƯƠNG ĐẠI

WILLIAM K. TABB. *Four Crises of the Contemporary World Capitalist System. Monthly Review*, 10/2008.
<http://www.monthlyreview.org/081006tabb.php>

XUÂN TÙNG
lược thuật

Tác giả bài viết phân tích những khía cạnh cơ bản của nền kinh tế chính trị toàn cầu, đánh giá những thách thức và những cơ hội đặt ra trong bối cảnh phát triển hiện nay của CNTB thế giới thông qua việc phân tích bốn lĩnh vực khủng hoảng trong hệ thống TBCN thế giới đương đại. Đó không phải là những yếu tố mâu thuẫn duy nhất, mà theo quan điểm của tác giả, là những yếu tố đáng chú ý nhất và quan trọng nhất hiện nay.

Khủng hoảng thứ nhất: Tài chính hoá và cuộc khủng hoảng tài chính

Mức độ thiệt hại do sự suy thoái tài chính hiện nay gây ra vẫn còn đang được xem xét, nhưng cho tới thời điểm này, hậu quả mà nó để lại thực sự nặng nề. Ở cấp độ khủng hoảng có tính hệ thống, vấn đề quan trọng không chỉ liên quan đến chi phí kinh tế và cách thức của những chiến dịch giải nguy dựa trên cơ sở bảo lãnh cho người nộp thuế, mà còn liên quan đến việc CNTB có thể tiếp tục trụ vững hay không. Tác giả dẫn ý kiến của Martin Wolf, nhà báo của tờ

Financial Times, viết về “sự biến đổi” của CNTB từ mô hình CNTB quản lý giữa thế kỷ XX sang mô hình tư bản tài chính toàn cầu; và John Bellamy Foster, Tổng biên tập Tạp chí *Monthly Review* (Mỹ), lập luận rằng mặc dù hệ thống đã thay đổi như là hệ quả của quá trình tài chính hoá... nhưng tài chính hoá lại dẫn đến một thời kỳ mới trong giai đoạn độc quyền của CNTB, mà có thể được gọi bằng thuật ngữ “tư bản tài chính độc quyền”. Theo một cách thức mới, nó tước đoạt ngày càng nhiều giá trị thặng dư được tạo ra trong quá trình sản xuất, không chỉ tại vùng trung tâm, mà còn tại nơi được coi là vùng ngoại vi của hệ thống thế giới.

Tác giả cho rằng, tài chính hoá với tính cách là một chiến lược tích lũy đã không chỉ gây ra khủng hoảng trầm trọng cùng với sự thất bại của thị trường tài chính, mà còn đặt nước Mỹ vào vị trí giống như một quốc gia nghèo đang mắc nợ các chủ nợ nước ngoài - đồng nội tệ mất giá, các chính sách thương mại chỉ có lợi cho giới tinh hoa và chính phủ thì đòi hỏi một số người

nộp thuế phải trả nhiều tiền hơn để tái vốn hoá hệ thống tài chính, trong khi đó cắt giảm thuế nhiều hơn cho người giàu và các tập đoàn lớn.

Các nghĩa vụ nợ bổ sung có tính chất độc hại là chủ đề nổi bật trong hầu hết các cuộc tranh luận, nhưng khía cạnh chính của quá trình tài chính hoá lại là sự gia tăng nợ: nợ của chính phủ (phần lớn trong số đó là hệ quả của việc chi tiêu quân sự và cắt giảm thuế cũng như những “cơ chế khuyến khích” khác dành cho các tập đoàn và những người giàu), các loại nợ của người tiêu dùng và nợ của tập đoàn. Sự bùng nổ các khoản nợ đã tiếp thêm sức mạnh cho nền kinh tế vốn có xu hướng đình trệ nghiêm trọng.

Đã có sự đầu tư quá mức cho năng lực sản xuất - vốn không thể được tận dụng trong một cấu trúc xã hội bất hợp lý mà trong đó, nhu cầu hiệu quả duy nhất được hỗ trợ bởi sức mua tương xứng. Sản xuất dư thừa trong bối cảnh nhu cầu xã hội không được thoả mãn là đặc trưng của hệ thống này, cũng như áp lực đối với công nhân ở khắp nơi khi phải nhận lấy khoản tiền bồi thường thấp hơn như là hệ quả của sức mạnh giai cấp của tư bản và khả năng của tư bản trong việc đặt những người công nhân ở vào vị thế đối kháng nhau. Giá trị thặng dư được sản xuất ra và bị tư bản tước đoạt không thể tìm thấy đầu ra trong hoạt động sản xuất và do đó, tràn sang hoạt động đầu cơ tài chính, ở đó nó được hấp thu vào các đợt bong bóng đầu cơ mà rốt cuộc sẽ sụp đổ, làm lan truyền sự hỗn loạn và đau đớn ra khắp nền kinh tế.

Dưới thời kỳ G. Bush (con) cầm quyền, Mỹ đã mất 1/5 số việc làm trong khu vực sản xuất và nguyên nhân chủ yếu là do tài chính hoá cũng như toàn

cầu hoá. Tiền lương giảm sút, phúc lợi hưu trí bị cắt bớt, gánh nặng y tế chuyển sang giai cấp công nhân và gia đình họ, người lao động phải làm việc bán thời gian hoặc bị sa thải và được thuê mượn trở lại như những công nhân “tạm thời”, v.v... - tất cả đều nhằm thoả mãn mục tiêu lợi nhuận và cung cấp tài chính cho những khoản nợ khổng lồ đang đè nặng lên vai các công ty do hệ quả của việc đi vay tràn lan để có kinh phí cho việc thu mua.

Sự bi quan rộng khắp của dân chúng là điều có căn cứ thực tế, bởi lẽ ba xu hướng tương tác với nhau khiến cho triển vọng của đa số người lao động Mỹ trở nên ảm đạm. Xu hướng thứ nhất, sản xuất hàng hoá và dịch vụ chuyển tới những nơi có tiền công lao động thấp hơn. Xu hướng thứ hai, công nghệ làm tăng sản lượng đầu ra tính trên mỗi công nhân, có nghĩa là mỗi công nhân có thể sản xuất nhiều hơn và khi cầu về sản lượng không tăng nhanh hơn năng suất lao động thực tế thì số lượng công nhân cần có cũng ít hơn. Xu hướng thứ ba, sự tấn công liên tục vào các hiệp hội, bắt đầu từ chiến dịch phá hoại của Ronald Reagan đối với hiệp hội kiểm soát viên không lưu, đã đặt tiền lệ cho việc sử dụng nhân công thay thế để ngăn chặn các cuộc bãi công.

Hiện nay, nước Mỹ đang chứng kiến sự rối loạn tại Phố Wall và sự trở trêu khi các quỹ tài sản quốc gia của nước ngoài và các nhà đầu tư khác đang tìm cách giải cứu cho những trụ cột của đế chế tài chính Mỹ. Nước Mỹ nên hiểu những bước phát triển có tính chất mâu thuẫn này như thế nào? Đây là một vấn đề thuộc về phạm trù chính trị. Nó cần được giải đáp giống như bất kỳ vấn đề kinh tế nào khác: nhóm tinh hoa thiểu số thu lợi bằng cái giá phải trả của rất

nhiều người khác. Giải pháp cho vấn đề đó không phải là làm thế nào để cho phép giới tư bản tiếp tục làm như vậy, mà là làm thế nào để áp đặt sự điều tiết của xã hội để giới tư bản không thể làm như vậy nữa.

Khủng hoảng thứ hai: Chủ nghĩa đế quốc Mỹ đánh mất bá quyền

Gần đây, chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã gặp phải hai thất bại: làm mất uy tín của “Đồng thuận Washington” (theo chủ nghĩa tự do mới) và sự khiếp sợ trước cú sốc và bạo lực tàn khốc của chủ nghĩa quân phiệt hiếu chiến Washington. Những lời chỉ trích ngày càng gia tăng cho thấy đang có một cuộc khủng hoảng do sự thực thi bá quyền dễ dàng, liên tục và do giả định của giai cấp cầm quyền rằng họ có đủ năng lực để đơn phương lãnh đạo thế giới.

Trước hết, tác giả xem xét chủ nghĩa quân phiệt Mỹ và sau đó, đề cập tới sự thất bại của “Đồng thuận Washington”. Người dân Mỹ bị dẫn dụ vào cuộc chiến Iraq trên cơ sở những lời nói dối và giờ đây họ không còn tin rằng việc tấn công Iraq là tốt. Họ bắt đầu nhận thức được rằng nước Mỹ không chỉ thất bại ở Iraq, mà tình hình ở Afghanistan còn cho thấy sự bất lực của Mỹ trong việc chiếm đóng và thực thi sự thay đổi chế độ cũng như sự ổn định của đế quốc. Họ cũng ngày càng nhận thức được rằng chủ nghĩa phiêu lưu như vậy đang phá hoại nước này, trong khi đó những ưu tiên trong nước như y tế và việc làm được trả công tương xứng cần được xem là ưu tiên hàng đầu lại đang là những thách thức chưa từng thấy ngay trong lòng nước Mỹ.

Nhiều người Mỹ có thể vẫn ủng hộ sự khẳng định sức mạnh quốc gia của Mỹ trong những thắng lợi dễ dàng trước

“những kẻ thù” yếu hơn, nhưng họ cũng đã chán ngấy những rủi ro lâu dài và phải trả giá đắt. Đối với số đông, trò chơi “Nhiệm vụ đã hoàn thành” đã tạo ra những phản ứng khác nhau (từ tức giận đến hận thù) ở những người nghĩ rằng họ quả là ngốc nghếch và quá dễ bị thao túng. Những tham vọng đế quốc của Mỹ ở Iraq đã đẩy phần đông giới tinh hoa đến chỗ tìm kiếm “linh hồn” và họ đã thúc đẩy sự chống đối của dân chúng không chỉ ở nước ngoài, mà còn ở ngay trong nước Mỹ. Trên quy mô toàn cầu, những kỳ vọng này đã đổ vỡ hoàn toàn. Sự giảm sút uy tín và sức mạnh bá quyền của Mỹ là một phần quan trọng của cái được xem là mối trong hệ thống thế giới.

Tác giả lưu ý đến những ý kiến trên mặt trận ngoại giao, đề nghị mở rộng nhóm G-8. Có thể kể đến, Philip Stephens, nhà bình luận chính trị hàng đầu của tờ *Financial Times*, đề nghị mở rộng thành G-13 với việc bổ sung thêm các nước IBSA (Ấn Độ, Brazil và Nam Phi), cùng với Mexico và Trung Quốc. Theo Chủ tịch WB Robert Zoellick, ý tưởng chính của việc mở rộng như vậy là ở chỗ các nước nói trên được mời tham gia để trở thành “những chủ thể có trách nhiệm” của thế giới.

Xét về mặt tích cực, chính phủ một số nước thuộc thế giới thứ ba đã thay đổi theo hướng tiến bộ, đôi khi là nhằm chống lại sự thoả thuận có lợi cho giới tư bản trong nước, đôi khi là bởi vì cam kết thực sự đối với một chương trình nghị sự mang tính xã hội và thường là hệ quả từ sự căng thẳng giữa các nhóm lợi ích đang lâm nguy. Ở khu vực Mỹ Latinh, sau những thời kỳ nằm dưới sự cai trị quân sự và sự thống trị của chính sách tự do mới, Mercosur (khối thị trường chung Nam Mỹ, bao gồm Brazil,

Argentina, Uruguay, Paraguay, Venezuela) dưới sự lãnh đạo của Brazil đã ngăn cản mưu toan của Mỹ trong việc xây dựng khu vực thương mại tự do liên Mỹ.

Những thay đổi trong khu vực Mỹ Latinh ngày càng trở nên sâu sắc khi các chính phủ cánh tả lên cầm quyền. Năm 2005, Nam Mỹ chiếm tới 80% các khoản cho vay của IMF. Hiện nay, tỷ lệ đi vay của khu vực này chưa đến 1% tổng số tiền cho vay toàn cầu của IMF. Dự án “Sự lựa chọn Bolivar dành cho Mỹ Latinh” (Alba) mang tính cấp tiến hơn đang thúc đẩy không chỉ tình đoàn kết trong khu vực, mà còn cả sự cải tạo xã hội trên cơ sở các mục tiêu và lý tưởng XHCN. Năm 2007, các nước thuộc Mercosur và Alba đã thành lập Ngân hàng Phương Nam nhằm đưa ra công cụ tài chính phát triển thay thế dựa trên tình đoàn kết và xoá bỏ hoàn toàn tư tưởng cũng như sự kiểm soát của Washington. Cùng với Ngân hàng Phương Nam, đang có cuộc thảo luận về hệ thống tiền tệ khu vực để hoạt động thương mại song phương có thể diễn ra bằng các đồng nội tệ của Nam Mỹ, với mục tiêu thiết lập một đồng tiền chung cho khu vực này.

Những thất bại của “Đồng thuận Washington” và sức mạnh ngày càng tăng của các trung tâm quyền lực thay thế, cả của phe cánh tả lẫn phe cánh hữu mang tư tưởng dân tộc chủ nghĩa và phát triển chủ nghĩa, đang góp phần định hình nên nền kinh tế chính trị toàn cầu. Một yếu tố có ý nghĩa quan trọng không kém là sự suy yếu đáng kể của đồng Đôla Mỹ - sức mạnh trước đây của nó vừa là hệ quả, vừa là cội nguồn của sức mạnh Mỹ.

Tác giả cho rằng, nước Mỹ hiện đang chứng kiến sự tổn thất của cái mà

cựu Tổng thống Pháp Charles DeGaulle từng gọi là “đặc quyền thái quá” của nước Mỹ, phải sinh từ vai trò của Mỹ như là chủ thể phát hành đồng tiền quốc tế. Lợi thế mà Mỹ được hưởng khi có thể đi vay bằng chính đồng tiền của mình đã bị giảm sút do sự lạm dụng và thâm hụt tài khoản vãng lai quá mức cũng như sự tích lũy đồng Đôla trong tay các quốc gia khác.

Tuy hiện nay 1/4 dự trữ tiền tệ thế giới là bằng đồng Euro và 2/3 là bằng Đôla Mỹ, nhưng đã có những dự đoán của các nguồn đáng tin cậy rằng đồng Euro có thể trở thành đồng tiền dự trữ quan trọng hơn so với đồng Đôla Mỹ trong vòng một thập kỷ tới. Những dự báo này dựa trên cơ sở lạm phát đang gia tăng tại Mỹ, sự thâm hụt tài khoản vãng lai quá lớn của Mỹ, những chi phí cho việc mở rộng tầm kiểm soát của đế quốc Mỹ trên thế giới cũng như những mô hình mô phỏng do các nhà kinh tế học hàng đầu đưa ra.

Tư bản tài chính đã mở rộng dưới hình thức ký sinh, ăn bám. Không chỉ dân chúng ở các nước nghèo phải gánh chịu đau khổ, mà nhân dân lao động ở chính các nước giàu hiện cũng đang “bị” kêu gọi phải đứng ra bảo lãnh cho các ngân hàng và các thiết chế tài chính khác “của họ”. Thành phần giai cấp của mô hình tái phân phối này đang ngày càng trở nên rõ ràng hơn. Khi nền kinh tế chính trị thế giới trở nên đa cực hơn thì bá quyền Mỹ sẽ ngày càng bị thách thức trong nhiều lĩnh vực khác, ngoài vấn đề tiền tệ.

Khủng hoảng thứ ba: Các trung tâm quyền lực mới

Sự trỗi dậy của các chủ thể chính trị và kinh tế không phải phương Tây có thể được xem như một hiện tượng lịch sử của thế giới. Năm 2006, lần đầu tiên

các thị trường mới nổi chiếm tới hơn 50% giá trị sản xuất toàn cầu. Theo dự báo, nếu các thị trường này vẫn tiếp tục tăng trưởng với tốc độ như vậy, chúng ta sẽ có một thế giới khác hẳn vào thời điểm giữa thế kỷ này. Các thị trường mới nổi sẽ tăng trưởng ấn tượng như sự trỗi dậy của Đức, Nga và Nhật Bản hồi cuối thế kỷ XIX. Một nghiên cứu của PriceWaterhouseCoopers dự đoán rằng vào năm 2050, nền kinh tế Trung Quốc có thể lớn gần bằng nền kinh tế Mỹ, xét theo tổng giá trị tính bằng đồng Đôla, và Ấn Độ sẽ trở thành nền kinh tế lớn thứ ba thế giới. Một năm sau đó, các nhà nghiên cứu của Goldman Sachs dự đoán Trung Quốc có thể vượt Mỹ trong năm 2027 và nền kinh tế Ấn Độ sẽ lớn hơn nền kinh tế Mỹ trước thời điểm năm 2050. Các chủ ngân hàng đầu tư dự đoán, vào năm 2050, nền kinh tế Brazil sẽ lớn bằng nền kinh tế Nhật Bản, còn nền kinh tế Indonesia và Mexico sẽ lớn hơn nền kinh tế Anh và Đức.

Các nhà nghiên cứu của PriceWaterhouseCoopers cho rằng quy mô kinh tế của nhóm E-7 (gồm Brazil, Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Mexico, Nga và Thổ Nhĩ Kỳ) sẽ lớn hơn 25% so với nhóm G-7 hiện nay và sẽ chi phối tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu. Vai trò của các cường quốc kinh tế mới này trong nền kinh tế chính trị quốc tế sẽ có ý nghĩa đáng kể.

Ngay tại châu Á cũng đang diễn ra những thay đổi quan trọng mang tính lịch sử. Tác giả dẫn ra một bài viết gần đây trên tạp chí *Foreign Policy* cho biết: “Đông Bắc Á đang trong thời kỳ quá độ. Sau 60 năm dưới sự thống trị của Mỹ, cán cân quyền lực trong khu vực này đang thay đổi. Mỹ đang suy yếu tương đối, Trung Quốc đang trên đà đi lên, còn Nhật Bản và Hàn Quốc thì không

ngừng lớn mạnh. Những hệ lụy đối với Mỹ quả là sâu sắc”. Cái gọi là “Đồng thuận Bắc Kinh” dựa trên cơ sở tôn trọng chủ quyền và đôi bên cùng có lợi về kinh tế đang được thừa nhận rộng rãi như là sự thay thế cho mô hình “Đồng thuận Washington” về truyền bá dân chủ và thị trường “tự do” thông qua những đe dọa bằng các biện pháp trừng phạt kinh tế và tên lửa mang đầu đạn hạt nhân.

Vấn đề không phải ở chỗ các cường quốc mới nổi là những quốc gia tiến bộ, mà là thế giới đa cực đang tạo cơ hội cho nhiều nước khác khi bá quyền Mỹ không còn độc tôn nữa. Đang xuất hiện cái mà Conn Hallinan gọi là “côngxooxiom của sự tiện lợi”, tức là khuynh hướng hình thành quan hệ đối tác giữa Trung Quốc, Ấn Độ và Nga, nếu chín muồi, có thể sẽ kéo sức mạnh toàn cầu khỏi Washington. Nga đang bán những hệ thống quân sự tân tiến cho cả Ấn Độ và Trung Quốc, đồng thời cùng hợp tác với hai nước này trong lĩnh vực năng lượng. Trên tạp chí *Foreign Affairs*, tác giả Daniel Drezner, từng mô tả “một liên minh theo chủ nghĩa hoài nghi”, bao gồm một loạt các quốc gia từ Argentina tới Pakistan và Nigeria, và sự hồi sinh của phong trào không liên kết trong làn sóng chống Mỹ đang diễn ra tại nhiều nơi trên thế giới. Nước Mỹ, theo đánh giá của tác giả, có lẽ đang bước vào một giai đoạn mới mà ở đó, các quốc gia tiến bộ sẽ có nhiều cơ hội hơn.

Khủng hoảng thứ tư: Các nguồn lực và sự phát triển bền vững

Khủng hoảng cuối cùng và có lẽ quan trọng nhất là khủng hoảng về các nguồn lực sẵn có và việc phân bổ các nguồn lực trọng yếu như dầu lửa, lương thực và nước. Tính bền vững trong cuộc sống của con người đơn giản là không

phù hợp với sự phát triển mang bản chất lãng phí của CNTB.

Ở đây có hai vấn đề chính trị rất quan trọng. Thứ nhất, trong một thời gian dài, Mỹ và các nước giàu khác đã chiếm tỷ phần lớn về các nguồn lực của thế giới. Công bằng xã hội không chỉ đòi hỏi các nước đang phát triển phải hạn chế sử dụng các nguồn lực không thể tái chế trong tương lai, mà còn đòi hỏi các nước mà từ lâu đã tiêu thụ quá nhiều năng lượng phải gánh vác chi phí nhiều hơn với tỷ lệ tương ứng. Thứ hai, cần có những khuôn mẫu mới cho sự phát triển của con người dựa trên những mối quan tâm về mặt sinh thái học cũng như công bằng xã hội và cần có sự hoạt động tích cực hơn của các hội đồng quốc tế (mà hiện nay dường như đang thừa nhận rằng vấn đề quan trọng duy nhất là chủ nghĩa khủng bố). 1/6 dân số thế giới đang hưởng thụ lối sống “lệ thuộc vào năng lượng”. Khi số lượng người muốn có kiểu tiêu dùng như vậy tăng lên thì những vấn đề nan giải của hành tinh cũng sẽ tăng theo. Không chỉ hàng tỷ người không được hưởng lợi từ CNTB toàn cầu, mà ngay cả những người đang gây thêm áp lực cho các nguồn lực của hành tinh này cũng chẳng thu được lợi ích gì.

Hiện nay, 1/4 số người tử vong trên thế giới là do các yếu tố về môi trường và hầu hết những nạn nhân này là người nghèo, vốn dĩ đã bị tổn thương do tình trạng thiếu ăn và không có cơ hội tiếp cận với dịch vụ y tế. Thiếu ăn có thể trở thành vấn đề nghiêm trọng hơn khi giá lương thực không ngừng tăng. 75% người nghèo trên thế giới sống ở nông thôn và hầu hết trong số đó phụ thuộc vào nông nghiệp. Ở các nước đang phát triển, do khó có thể kiếm kế sinh nhai ở

quê hương nên rất nhiều người phải di cư ra các thành phố lớn. Một tỷ người hiện sống trong các khu ổ chuột ở những thành phố lớn, làm đủ thứ nghề vặt như bốc rác hoặc bán dạo trên hè phố. Các nhà nông học cho biết rằng hầu hết các nước trên thế giới đều có nguồn lực là đất đai, nước và khí hậu để sản xuất đủ lương thực cho dân chúng. Tuy nhiên, điều này đòi hỏi phải có cải cách mạnh mẽ trong lĩnh vực nông nghiệp cũng như sự trợ giúp về kỹ thuật và tài chính. Tại một số nơi, người ta đang thực hiện những chính sách như vậy và an ninh lương thực được xem là đang gây ảnh hưởng tới hơn một nửa nhân loại.

Động cơ tìm kiếm lợi nhuận không thể kiểm soát đang huỷ hoại sức khoẻ con người và làm tăng đáng kể chi phí y tế khi nó đầu độc người tiêu dùng bằng các loại lương thực pha trộn và độc hại. Mỗi cuộc khủng hoảng nói trên đều là hệ quả từ các hoạt động thường ngày của giới tư bản trong một hệ thống đặt lợi nhuận lên trên hết. Các phương tiện truyền thông và hệ thống chính trị các nước tư bản luôn tìm mọi cách ngăn cản dân chúng hiểu được thực chất gánh nặng mà những ưu tiên của hệ thống TBCN đang đặt lên vai toàn nhân loại.

Trong phần cuối bài viết, các kết luận của tác giả nhấn mạnh, “Đồng thuận Washington” không còn được tín nhiệm nữa và mặc dù thiệt hại do nó gây ra vẫn chưa dừng lại, Washington đã không đạt được những mục tiêu của mình. Đã có sự thống nhất của nhiều người dân, nhiều quốc gia trên thế giới trong một liên minh bất đắc dĩ. Nếu chính phủ cánh tả lên nắm quyền ở nhiều nước phương Nam, có thể sẽ diễn ra sự tái thiết mạnh mẽ nền kinh tế chính trị toàn cầu.